

# CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số: 817/QĐ-ĐHM, ngày 22/9/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Mở Tp. Hồ Chí Minh)

<b>Tên chương trình:</b>	<b>Tài Chính – Ngân Hàng</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại Học (Liên thông từ Cao Đẳng lên Đại học)</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Tài Chính – Ngân Hàng</b>
<b>Loại hình đào tạo:</b>	<b>Chính quy tập trung</b>



## 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

### 1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo cử nhân ngành tài chính - ngân hàng có phẩm chất chính trị, có tư cách đạo đức và sức khoẻ tốt, có trách nhiệm với xã hội.
- Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên sâu. Trên cơ sở đó có định hướng nghề nghiệp phù hợp và đáp ứng nhu cầu nhân sự trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi ngày càng cao.
- Đồng thời giúp sinh viên phát triển những kỹ năng cần thiết để tiếp tục tự học, tự phát triển, nghiên cứu độc lập cũng như khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.
- Trang bị cho sinh viên những kiến thức kinh tế - tài chính công ty hiện đại, về tiền tệ - ngân hàng, hiểu biết về các hoạt động tài chính trong một công ty, của một ngân hàng thương mại, thông qua việc nắm vững các kiến thức về : phân tích-hoạch định và dự toán tài chính, thực hiện quản trị hệ thống ngân sách của công ty, phân tích và đánh giá hiệu quả và rủi ro của một dự án đầu tư, Xây dựng cơ cấu vốn tối ưu, tín dụng, kế toán ngân hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh chứng khoán . . .

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng như: công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư, công ty tài chính, . . . Hoặc làm việc tại các bộ phận tài chính- kế toán trong các công ty sản xuất kinh doanh.

## 1.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành khoá học sinh viên sẽ được trang bị:

### a. Các kiến thức chuyên môn về:

- Các nguyên lý về quản trị tài chính, ngân hàng, rủi ro và đầu tư.
- Phương pháp định giá doanh nghiệp, trái phiếu, cổ phiếu, quản lý và phân tích danh mục đầu tư và quản trị rủi ro.

### b. Các kỹ năng về phương pháp học tập, nghiên cứu

- Khả năng thu thập và phân tích thông tin để đưa ra quyết định.
- Khả năng nghiên cứu thông qua các đề tài thực tế từ doanh nghiệp.

### c. Các kỹ năng chuyên môn

- Kỹ năng thực hiện giao dịch chứng khoán trên thị trường, phân tích và định giá các loại chứng khoán
- Kỹ năng phân tích, hoạch định và kiểm soát tình hình tài chính doanh nghiệp
- Kỹ năng sử dụng các thông tin tài chính để đưa ra các quyết định tài chính
- Kỹ năng thẩm định : tín dụng, bất động sản, tài sản đảm bảo
- Kỹ năng lập và thực hiện các qui trình vay và cho vay tại NHTM

### d. Có thái độ và phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có tinh thần yêu nước, yêu nghề nghiệp.

## 1.3 Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng chuyên sâu vào các lĩnh vực: Ngân hàng, tài chính doanh nghiệp và Thị trường chứng khoán. Khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có thể đảm nhận các công việc như :

- Chuyên viên tín dụng ngân hàng.
- Chuyên viên kinh doanh ngoại hối.
- Chuyên viên kế toán và giao dịch
- Chuyên viên phân tích và tư vấn đầu tư.
- Chuyên viên phân tích tài chính
- Chuyên viên phân tích rủi ro và đầu tư
- Chuyên viên định giá tài sản
- Chuyên viên quản trị tài chính
- Chuyên viên môi giới chứng khoán.
- Chuyên viên phân tích và tư vấn đầu tư.

## **2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:**

Thời gian đào tạo dự kiến là 1,5 năm gồm 3 học kỳ, trong đó 2,5 học kỳ học trên lớp và 0,5 học kỳ còn lại là thực tập nghề nghiệp và thi hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

## **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA**

Khối lượng kiến thức toàn khóa là **80** đơn vị học trình,

## **4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Các ứng viên đã có bằng Cao Đẳng

## **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

Thực hiện theo Quy định về tổ chức kiểm tra, thi học kỳ, thi và công nhận tốt nghiệp hệ chính quy bậc đại học, cao đẳng đại học bằng thứ 2, hoàn chỉnh đại học của ĐH Mở TP.HCM

## **6. THANG ĐIỂM**

Theo thang điểm 10

**7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:**

TT	Môn học	Số ĐVHT	Ghi chú
<b>7.1 KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>0</b>	
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>80</b>	
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành</b>		<b>12</b>	
1	Kinh tế vi mô	4	CTK
2	Kinh tế vĩ mô	4	CTK
3	Tài chính - Tiền tệ	4	CTK
<b>7.2.2 Kiến Thức Ngành và chuyên ngành</b>		<b>42</b>	
1	Thị trường chứng khoán	3	
2	Quản trị tài chính 1	4	CTK
3	Quản trị tài chính 2	4	
4	Thanh toán quốc tế	3	
5	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4	CTK
6	Thẩm định tín dụng	4	
7	Kế toán ngân hàng	4	
8	Marketing ngân hàng	3	
9	Quản trị ngân hàng thương mại	3	
10	Tài chính cá nhân	3	
11	Phân tích báo cáo tài chính	3	
12	Phân tích và đầu tư chứng khoán	4	
<b>7.2.3 Kiến Thức Bổ Trợ</b>		<b>11</b>	
1	Kế toán doanh nghiệp	5	
2	Kiểm toán	3	
3	Thuế	3	
<b>7.2.4 Thực tập TN và khóa luận TN</b>		<b>15</b>	
1	Thực tập tốt nghiệp	5	CTK
2	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	10	CTK
<b>TỔNG SỐ ĐVHT</b>		<b>80</b>	

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ**

HK	TT	Môn học	Số ĐVHT	Ghi chú
<b>I</b>	1	Kinh tế vi mô	<b>4</b>	Thi Đầu vào
	2	Tài chính - Tiền tệ	4	Thi Đầu vào
	3	Kinh tế vĩ mô	4	CTK
	4	Quản trị tài chính 1	4	CTK
	5	Kế toán doanh nghiệp	5	
	6	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4	CTK
	7	Thuế	3	
	8	Thị trường chứng khoán	3	
		<b>Cộng :</b>	<b>31</b>	

<b>II</b>	1	Thanh toán quốc tế	3	
	2	Quản trị tài chính 2	4	
	3	Phân tích báo cáo tài chính	3	
	4	Thẩm định tín dụng	4	
	5	Kiểm toán	3	
	6	Marketing ngân hàng	3	
	7	Kế toán ngân hàng	4	
		<b>Cộng :</b>	<b>24</b>	
<b>III</b>	1	Phân tích đầu tư chứng khoán	4	
	2	Tài chính cá nhân	3	
	3	Quản trị ngân hàng thương mại	3	
	4	Thực tập tốt nghiệp	5	CTK
	5	Thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ KLTN	10	CTK
		<b>Cộng :</b>	<b>25</b>	
		<b>Tổng số đơn vị học trình</b>	<b>80</b>	

## 9. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

### Kinh tế vi mô (4 ĐVHT)

*Môn học trước: không*

Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản. Môn học đề cập đến cung cầu thị trường, lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất, cấu trúc thị trường và tác động của các chính sách can thiệp thị trường của chính phủ.

### Kinh tế vĩ mô (4 ĐVHT)

*Môn học trước: Không*

Môn học nhằm giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm đo lường sản lượng quốc gia, tốc độ tăng trưởng kinh tế, các chỉ số giá, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp của nền kinh tế. Ngoài ra, môn học còn cung cấp những kiến thức về cách hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ, tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại tệ, cán cân thanh toán. Bên cạnh đó, môn học còn đưa ra một số mô hình như mô hình AS- AD để giải thích các biến động vĩ mô trong nền kinh tế cũng như dùng để phân tích chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ và dùng để giải thích mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn và dài hạn.

### **Tài chính-Tiền tệ (4 ĐVHT)**

*Môn học trước: Không*

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: chức năng tài chính – tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; Hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính Nhà nước; ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: vốn, nguồn vốn, quản lý vốn; Hoạt động của hệ thống ngân hàng (ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.

### **Thị trường chứng khoán (3 ĐVHT)**

*Môn học trước: Tài chính - tiền tệ*

Môn học này đề cập đến cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán. Như : Tổng quan về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán; Nguồn cung ứng chứng khoán; Niêm yết và phát hành chứng khoán; Các loại chứng khoán; Phương thức giao dịch trên thị trường chứng khoán; Sở giao dịch chứng khoán; Những qui định pháp lý cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán

### **Quản trị Tài chính 1,2 (8 ĐVHT)**

*Môn học trước: nguyên lý Kế toán*

Môn học quản trị tài chính nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài chính của doanh nghiệp với các nội dung chủ yếu: Phân tích tài chính, sử dụng các đòn cân trong hoạt động và tài trợ, xác định nhu cầu vốn, tổ chức nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp, Xây dựng ngân sách đầu tư vốn, rủi ro và lợi nhuận, Định giá chứng khoán và chi phí sử dụng vốn

### **Thanh toán quốc tế (3 ĐVHT)**

*Môn học trước: Tài chính tiền tệ*

Tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế : cơ sở pháp lý trong thanh toán quốc tế, nghiệp vụ hối đoái; Những điều kiện thanh toán quy định trong hợp đồng mua bán ngoại thương; Các phương tiện thanh toán quốc tế; Các phương thức thanh toán quốc tế. Bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế.

## **Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (4 ĐVHT)**

*Môn học trước: Tài chính tiền tệ*

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ ngân hàng : huy động vốn, các loại tiền gửi, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (sec, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, thẻ ngân hàng,...), dịch vụ ngân quỹ, cho vay ngắn hạn , cho vay trung và dài hạn, cho vay tiêu dùng, cho vay hộ nông nghiệp, cho thuê tài chính, tài trợ xuất nhập khẩu, tài trợ dự án, và một số nghiệp vụ khác của ngân hàng thương mại.

## **Thẩm định tín dụng (4 ĐVHT)**

*Môn học trước : Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại, Quản trị tài chính 1*

Môn học cung cấp các kiến thức về : thẩm định tín dụng ngắn hạn trung và dài hạn, thẩm định tín dụng cá nhân, thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay, thẩm định và đánh giá rủi ro tín dụng, kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định cho vay khi đứng trước một yêu cầu vay vốn, những công cụ cơ bản để kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng khi quyết định cho vay, góp phần nâng cao hiệu quả tín dụng nói chung.

## **Kế toán ngân hàng (4ĐVHT)**

*Môn học trước : Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại, kế toán doanh nghiệp*

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các ngân hàng thương mại của Việt Nam và của các tổ chức tín dụng việt nam nói chung. Nội dung môn học không những cung cấp kiến thức về kế toán trong lĩnh vực ngân hàng mà còn giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của các ngân hàng. Trên cơ sở các nghiệp vụ kế toán, các đối tượng có liên quan như nhà quản trị, cơ quan thuế, cổ đông... kiểm soát toàn bộ vốn và tài sản ngân hàng cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự phân chia lợi nhuận trong ngân hàng

## **Marketing ngân hàng (3 TC)**

*Môn học trước : Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại*

Môn học này trình bày các kiến thức cơ bản về lĩnh vực marketing chuyên ngành. Cung cấp các kiến thức về các dịch vụ ngân hàng, hệ thống sản phẩm và thanh toán của một NHTM.

Sử dụng các kiến thức marketing để tiến hành đưa sản phẩm dịch vụ đến từng khách hàng, giúp khách hàng lựa chọn, quyết định sử dụng các sản phẩm do NH cung cấp.

### **Quản trị ngân hàng thương mại (3 TC)**

*Môn học trước : Thẩm định tín dụng*

Trang bị kiến thức cho sinh viên trong quản trị các mặt vốn tự có và sự an toàn; Tài sản nợ - tài sản có; Các loại rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá hối đoái và lĩnh vực tài chính của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác ở các nước tiên tiến trên thế giới và tại Việt Nam. Giúp sinh viên nắm được các nguyên tắc cơ bản trong quản trị kinh doanh ngân hàng, để có thể tiếp cận một cách nhanh chóng và thực hiện chính xác nhiệm vụ được đảm nhiệm tại ngân hàng mình đang công tác.

### **Tài chính cá nhân (3 ĐVHT)**

*Môn học trước : Quản trị tài chính 1 và nguyên lý kế toán*

Môn học này cung cấp các kiến thức hoạch định tài chính cho cá nhân bao gồm các lĩnh vực như : quỹ hưu trí, bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, bảo hiểm nghề nghiệp; Đầu tư tiền bạc sao cho sinh lời cao nhất với rủi ro có thể chấp nhận như : cổ phiếu, trái phiếu, gửi ngân hàng, bất động sản. Lập kế hoạch mua nhà, đất và lịch trình trả nợ phù hợp với thu nhập và nghề nghiệp

### **Phân tích báo cáo tài chính (3 ĐVHT)**

*Môn học trước : Quản trị tài chính 1 và KT tài chính 1*

Mô tả môn học : môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để có thể lập và phân tích các báo cáo tài chính như : bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Ngoài ra môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc phân tích các hoạt động đầu tư; phân tích các hoạt động tài trợ và chính sách phân phối; phân tích khả năng

### **Phân tích và đầu tư chứng khoán (4 ĐVHT)**

*Môn học trước : Quản trị tài chính 2, Thị trường chứng khoán*

Môn học sẽ cung cấp những kiến thức về các lĩnh vực : giá trị thời gian của tiền tệ, rủi ro và lợi nhuận. Phân tích và định giá trái phiếu, cổ phiếu; Phân tích cơ bản : phân tích về môi trường đầu tư, môi trường kinh tế, xã hội, pháp lý, ...phân tích về ngành và phân tích công



ty bao gồm nhiều nội dung. Phân tích kỹ thuật ; kỹ thuật xây dựng một danh mục đầu tư hiệu quả : sử dụng các mô hình định giá tài sản đầu tư (CAPM), định giá chênh lệch (APT), mô hình chỉ số đơn - đa biến,... và ứng dụng các mô hình trên Microsoft Excel. Phương thức quản lý các danh mục đầu tư trái phiếu và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

### **Kế toán doanh nghiệp (4 ĐVHT)**

*Môn học trước: Nguyên lý kế toán*

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính doanh nghiệp: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; nội dung tổ chức công tác kế toán các yếu tố của quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp. về nội dung phương pháp, quy trình kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu nhằm cung cấp các thông tin tài chính cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

### **Kiểm toán (3 ĐVHT)**

*Môn học trước: Kế toán tài chính 2*

Môn học này bao gồm các kiến thức cơ bản nhất về bản chất, chức năng đối tượng và phương pháp của kiểm toán; các hình thức kiểm toán và chủ thể kiểm toán; các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; quy trình và phương pháp kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

### **Thuế (3 ĐVHT)**

*Môn học trước: Tài chính - tiền tệ*

Môn học đề cập đến việc huy động nguồn lực Nhà nước thông qua thuế bao gồm thuế thu nhập, thuế tài sản, thuế tiêu dùng cũng như các khoản thu phí. Môn học chú trọng đến việc sử dụng các lý thuyết về thuế và ứng dụng để xác định, đánh giá tác động của chính sách thuế. Môn học cũng đề cập đến vấn đề tránh thuế, trốn thuế, giá chuyển nhượng, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, cải cách hệ thống thuế và các cam kết quốc tế mà thuế Việt Nam đã ký kết trong xu thế hội nhập.

### **Thực tập tốt nghiệp (5 đơn vị học trình)**

Thời gian thực tập tại doanh nghiệp là 12 tuần. Trong thời gian này sinh viên sẽ chọn một chủ đề liên quan đến ngành học để viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp với sự hướng dẫn của giảng viên.

### Thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ KL tốt nghiệp (10 đơn vị học trình)

Sinh viên sẽ được giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp trong 4 tuần dựa trên nền tảng chuyên đề tốt nghiệp đã thực hiện.

### 10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

#### 10.1. Danh sách giảng viên cơ hữu của trường

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học sẽ giảng dạy
01	Lê Bảo Lâm	1957	Tiến sĩ, Kinh tế học	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
02	Nguyễn Thuần	1963	Tiến sĩ, Kinh tế học	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
03	Nguyễn Văn Phúc	1973	Tiến sĩ, Kinh tế học	Thị trường TC phái sinh Lý thuyết đầu tư Quản lý danh mục đầu tư
04	Nguyễn Văn Thuận	1962	Tiến sĩ, Tài chính Ngân hàng	Quản trị rủi ro tài chính Quản lý danh mục đầu tư Quản trị tài chính NHTM
05	Nguyễn Xuân Xuyên	1947	Tiến sĩ, Tài chính Ngân hàng	Thị trường chứng khoán Lý thuyết đầu tư Thị trường TC phái sinh
06	Lê Xuân Quang	1959	Tiến sĩ, Tài chính Ngân hàng	Thuế Kế toán thuế Lập báo cáo thuế
07	Nguyễn Tấn Bình	1958	Tiến sĩ, Tài chính Ngân hàng	Kế toán quản trị Kế toán kho bạc Phân tích hoạt động KD
08	Hoàng Mạnh Dũng	1956	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Marketing căn bản
09	Nguyễn Minh Kiều	1963	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị ngân hàng TM Quản trị tài chính NHTM Ngân Hàng trung ương
10	Nguyễn Minh Hà	1972	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Thẩm định dự án đầu tư Kinh tế lượng
11	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	1960	Tiến sĩ, Kinh tế học	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
12	Vũ Việt Hằng	1956	Tiến sĩ, Kinh tế học	Kinh tế lượng Kinh tế vĩ mô 1
13	Trịnh Thùy Anh	1974	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học
14	Nguyễn Hữu Thân	1948	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học
15	Nguyễn Văn Sơn	1956	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Kinh tế vi mô 1 Marketing căn bản

16	Lê Thái Thường Quân	1967	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
17	Trần Anh Tuấn	11315	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Luật kinh tế
18	Lê Thị Thanh Thu	1964	Tiến sĩ, Anh Văn	Anh văn cơ bản Anh văn chuyên ngành
19	Lê Xuân Trường	1965	Tiến sĩ, Công nghệ thông tin	Tin học đại cương
20	Nguyễn Thanh	1951	Tiến sĩ, Triết học	Những NLCB của CN-MLN Tur tưởng Hồ chí Minh Đường lối CM Đảng CS VN
21	Vũ Nhi Công	1957	Tiến sĩ, Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương Logic học
22	Nguyễn Thanh Long	1961	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
23	Lý Thị Minh Châu	1961	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
24	Nguyễn Như Ánh	1976	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Kế toán tài chính Kế toán Mỹ
25	Võ Minh Long	1976	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Phân tích báo cáo tài chính Kế toán quản trị
26	Phan Ngọc Thùy Như	1976	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Nghiệp vụ ngân hàng Kinh doanh ngoại hối
27	Phan Thị Minh Huệ	1981	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Tài chính quốc tế Thanh toán quốc tế
28	Trần Tuyết Thanh	1976	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Kế toán doanh nghiệp Kế toán đơn vị sự nghiệp
29	Trần Thế Sao	1979	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Excel trong TC và đầu tư Kế toán đơn vị xây lắp
30	Nguyễn Thị Phương Thanh	1987	Cử nhân, Tài chính Ngân Hàng	Marketing ngân hàng
31	Nguyễn Xuân Nguyên	1987	Cử nhân, Tài chính Ngân Hàng	Kế toán ngân hàng
32	Bùi Minh Phương	1985	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Tài chính cá nhân Bảo hiểm
33	Đào Ngọc Minh		Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Phân tích và đầu tư CK Quản trị rủi ro và bảo hiểm
34	Nguyễn Văn Bản	1960	Thạc sĩ, Tài chính Ngân Hàng	Kiểm soát nội bộ Chuẩn mực kế toán
35	Trần Tuấn Anh	1967	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Nguyên lý thống kê kinh tế LT xác suất và thống kê toán
36	Tạ Thị Hồng Hạnh	1974	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập Kinh tế lượng
37	Nguyễn Đình Kim	1959	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Marketing căn bản
38	Nguyễn Thành Long	1958	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Marketing căn bản

39	Nguyễn Thái Thảo Vy	1977	Thạc sĩ, Kinh tế	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
40	Lê Thị Kim Dung	1962	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
41	Bùi Anh Sơn	1962	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
42	Phạm Quang Anh Thu	1975	Thạc sĩ, Kinh tế	Phân tích và đầu tư CK Phân tích báo cáo tài chính
43	Trần Anh Thục Đoan	1969	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Pháp luật đại cương Luật kinh tế
44	Bùi Ngọc Tuyên	1968	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Pháp luật đại cương Luật kinh tế
45	Nguyễn Thúy Nga	1968	Thạc sĩ, Anh Văn	Anh văn cơ bản Anh văn chuyên ngành
46	Ninh Xuân Hương	1966	Thạc sĩ, công nghệ thông tin	Tin học đại cương
47	Nguyễn Xuân Nghĩa	1951	Thạc sĩ, Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương Logic học
48	Lê Thị Mỹ Hiền	1958	Thạc sĩ, Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương Logic học
49	Lê Chí An	1954	Thạc sĩ, Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương Logic học
50	Âu Thị Cẩm Linh	1969	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
51	Hồ Thiện Thông Minh	1975	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
52	Vũ Thanh Hiếu	1975	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
53	Hoàng Đình Thảo Vy	1975	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
54	Nguyễn Quang Vinh	1959	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
55	Trương Mỹ Diễm	1977	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học tập
56	Tạ Thị Lan Anh	1972	Thạc sĩ, Kinh tế	Thuế Tài chính tiền tệ
57	Phạm Kim Dung	1959	Thạc sĩ, Triết học	Những NLCB của CN-MLN Tư tưởng Hồ chí Minh Đường lối CM Đảng CS VN

### 10.1. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học sẽ giảng dạy
01	Phan Đức Dũng	1967	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kiểm toán

02	Nguyễn Ngọc Dung	1968	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính Kế toán thuế
03	Nguyễn Khắc Hùng	1961	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính Kiểm toán
04	Nguyễn Xuân Hưng	1966	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính Kế toán đơn vị xây lắp
05	Đỗ Thị Tuyết Lan	1956	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính Kế toán đơn vị sự nghiệp
06	Mai Thị Hoàng Minh	1965	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán Kiểm toán Chuẩn mực kế toán
07	Nguyễn Trung Trực	1960	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kiểm toán
08	Hà Xuân Thạch	1964	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kế toán đơn vị xây lắp Phân tích báo cáo tài chính
09	Lê Đình Trực	1962	Tiến sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Kế toán quản trị
10	Trương Thị Hồng	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Kế toán ngân hàng Quản trị ngân hàng TM
11	Lý Hoàng Ánh	1962	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán Nghị vụ ngân hàng TM
12	Lê Thắm Dương	1960	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thẩm định tín dụng Quản trị ngân hàng TM Ngân hàng trung ương
13	Nguyễn Hoàng Giang	1958	Tiến sĩ, Kinh tế học	Tài chính tiền tệ Marketing ngân hàng
14	Đỗ Thị Thu Hằng	1958	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính quốc tế Thanh toán quốc tế Kinh doanh ngoại hối
15	Trần Thị Xuân Hương	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thanh toán quốc tế Nghị vụ Ngân hàng TM Kinh doanh ngoại hối
16	Đoàn Thanh Hà	1968	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thị trường chứng khoán Phân tích đầu tư CK
17	Lê Đình Hạc	1966	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tiền tệ ngân hàng Thị trường chứng khoán
18	Lê Văn Khâm	1961	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản trị tài chính Tài chính tiền tệ
19	Lê Thị Lanh	1960	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản trị tài chính Quản trị rủi ro tài chính

20	Lê Thị Mận	1953	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Ngân hàng trung ương Marketing ngân hàng
21	Lê Phan Diệu Thảo	1963	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính quốc tế Thanh toán quốc tế Marketing ngân hàng
22	Nguyễn Hồng Thắng	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản trị tài chính Tài chính cá nhân
23	Thân Thị thu Thủy	1962	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thị trường TC phái sinh Quản lý danh mục đầu tư
24	Lê Văn Tề	1938	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản trị ngân hàng TM Ngân hàng trung ương Kinh doanh ngoại hối
25	Nguyễn Thị Uyên Uyên	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản trị tài chính Quản trị rủi ro tài chính
26	Nguyễn Ngọc Hùng	1965	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán Kế toán kho bạc
27	Phan Hiển Minh	1950	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thuế Lập báo cáo thuế Tài chính tiền tệ
28	Phước Minh Hiệp	1960	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thiết lập và TĐ dự án ĐT Quản trị tài chính
29	Lê Vũ Nam	1969	Tiến sĩ, Tài chính ngân hàng	Thị trường TC phái sinh Quản lý danh mục đầu tư
30	Nguyễn Hữu Ngọc	1955	Tiến sĩ, Quản trị kinh doanh	Quản trị học Thiết lập và TĐ dự án ĐT
31	Nguyễn Quốc Anh	1975	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Nghiệp vụ ngân hàng TM Thẩm Định tín dụng
32	Trần thị Huế Chi	1976	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản trị tài chính Phân tích báo cáo tài chính
33	Lê Văn Hải	1962	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán
34	Phạm Đặng Huân	1960	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán
35	Nguyễn Phước Kinh Kha	1981	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính quốc tế Thanh toán quốc tế
36	Nguyễn Thị Hồng Liên	1965	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản trị tài chính Phân tích báo cáo tài chính
37	Phạm quốc Luyến	1971	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Phân tích hoạt động KD Phân tích tài chính
38	Nguyễn Văn Minh	1974	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Nghiệp vụ ngân hàng TM Kế toán ngân hàng
39	Nguyễn Văn Nông	1971	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Thị trường chứng khoán Phân tích và đầu tư CK
40	Nguyễn Thanh Nam	1976	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tiền tệ ngân hàng Ngân hàng trung ương

41	Trần Phương Thảo	1978	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Phân tích và đầu tư CK Quản trị rủi ro tài chính
42	Nguyễn Văn Thầy	1960	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Kế toán ngân hàng Quản trị ngân hàng
43	Phan Chung Thủy	1981	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Thanh toán quốc tế Kinh doanh ngoại hối
44	Bùi Huy Tùng	1976	Thạc sĩ, Luật	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán
45	Tô Thị Thanh Trúc	1976	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Quản lý danh mục đầu tư Tài chính cá nhân
46	Tôn Thất Cảnh Hòa	1962	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Thuế Lập báo cáo thuế
47	Lâm Tường Thoại	1962	Thạc sĩ, Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ Thị trường chứng khoán
48	Nguyễn Thế Hưng	1962	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Hệ thống thông tin kế toán
49	Thái Phúc Huy	1958	Thạc sĩ, Điều khiển học	Hệ thống thông tin kế toán
50	Nguyễn Thành Kính	1982	Cử nhân, Kế toán kiểm toán	Hệ thống thông tin kế toán
51	Lê Thanh Trông	1984	Cử nhân, tài chính ngân hàng	Hệ thống thông tin kế toán
52	La Xuân Đào	1959	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Các chuẩn mực kế toán
53	Nguyễn Ngọc Đức	1982	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán Mỹ Kế toán kho bạc
54	Lê Thị Minh Châu	1965	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kế toán đơn vị xây lắp
55	Nguyễn Văn Hội	1973	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Kiểm soát nội bộ
56	Nguyễn Việt Hưng	1976	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kiểm soát nội bộ
57	Đoàn Văn Hoạt	1961	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Chuẩn mực kế toán
58	Nguyễn Bảo Linh	1964	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán quản trị Phân tích hoạt động KD
59	Nguyễn Thị Thùy Linh	1981	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Kiểm soát nội bộ
60	Phạm Quốc Thuận	1974	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán tài chính Kế toán thuế
61	Phạm Ngọc Toàn	1969	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kiểm toán Kiểm soát nội bộ
62	Lê Thị Minh Tuyết	1963	Thạc sĩ, Kế toán kiểm toán	Kế toán quản trị Phân tích hoạt động KD
63	Dương Thị Xuân Bình	1957	Thạc sĩ, Quản trị chi phí	LT xác suất và TK toán Kinh tế lượng
64	Định Thái Hoàng	1963	Tiến sĩ,	LT xác suất và TK toán

			kinh tế	Kinh tế lượng
65	Võ Thị Lan	1965	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Kinh tế lượng
66	Chu Nguyễn Mộng Ngọc	1978	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán
67	Trần Kim Ngọc	1969	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Nguyên lý thống kê kinh tế
68	Trần Bá Nhân	1953	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Nguyên lý thống kê kinh tế
69	Hoàng Trọng	1964	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Nguyên lý thống kê kinh tế
70	Nguyễn Minh Tuấn	1965	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	LT xác suất và TK toán Kinh tế lượng
71	Nguyễn Ngọc Vân Uyên	1975	Thạc sĩ, thống kê	LT xác suất và TK toán Nguyên lý thống kê kinh tế
72	Nguyễn Văn Ân	1940	Giảng viên cao cấp, toán	Toán cao cấp C1 Toán cáo cấp C2
73	Nguyễn Văn Du	1956	Thạc sĩ, Đại số	Toán cao cấp C1 Toán cáo cấp C2
74	Trần Ngọc Hội	1961	Tiến sĩ, toán	Toán cao cấp C1 Toán cáo cấp C2
75	Nguyễn Quốc Hưng	1957	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Toán cao cấp C1 Toán cáo cấp C2

## 11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 11.1 Phòng học và phòng máy tính

- Toà nhà trung tâm tại 97 Võ Văn Tần, Quận 3, TPHCM, với diện tích sử dụng 10.500m<sup>2</sup>
- Số 2 Mai Thị Lựu, Quận 1, TPHCM
- Số 120 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TPHCM
- 511 An Dương Vương, phường An Lạc, Quận Bình Tân
- 11 Đoàn Văn Bơ, quận 4
- Ngoài ra, có 1 phân hiệu ở Sông Bé (tỉnh Bình Dương)
- Diện tích đất 32 ha sẽ được xây dựng trong tương lai

### 11.2 Thư viện

Thư Viện Trường rộng rãi thoáng mát đủ chỗ cho 200 sinh viên cùng học một lúc và có phòng đọc tham khảo cho giảng viên và cán bộ nghiên cứu. Thư viện được trang bị hệ thống máy tính để tra cứu, đọc tài liệu trong các đĩa CD, hệ thống máy tính nối mạng để sinh viên truy cập Internet miễn phí. Trường đang xây dựng thư viện điện tử giúp sinh viên truy cập thông tin, tư liệu từ các nơi,...



### 11.3 Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Lịch sử Đảng	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
3	Triết học Mác-Lênin	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
5	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ giáo dục đào tạo	CT quốc gia	2006
6	Tiếng Anh căn bản	Khoa Ngoại ngữ, ĐHMở	Lưu hành nội bộ	2006
7	Toán cao cấp- giải tích	Phạm Hồng Danh	ĐHQG HCM	2007
8	LT xác suất và thống kê toán	Đại Học kinh tế HCM	Thống kê	2006
9	Xã hội học đại cương	ĐH Mở TP.HCM	Lưu hành nội bộ	2007
10	Logic học	ĐH Mở TP.HCM	Lưu hành nội bộ	2007
11	Kỹ năng học tập	Tạ Thị Hồng Hạnh	Lưu hành nội bộ	2007
12	Tin học đại cương	ĐH Mở TP.HCM	Lưu hành nội bộ	2007
13	Pháp luật đại cương	ĐH kinh tế HCM	GT vân tải	2006
14	Quản trị học	Lê Thế Giới	Tài Chính	2007
15	Nguyên lý Marketing	Nguyễn Đình Thọ	ĐHQG HCM	2005
16	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm	Lao Động XH	2008
17	Kinh tế vĩ mô	Dương Tấn Diệp	Thống kê	2007
18	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	Dương Thị Bình Minh	Thống kê	2004
19	Nguyên lý Thống kê	Nguyễn Thị Kim Thúy	Văn hóa Sài Gòn	2008
20	Thống kê ứng dụng	Trần Bá Nhân	Thống kê	2005
21	Thống kê ứng dụng	Hoàng Trọng	Thống kê	2007
22	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Việt	Tp. HCM	2006
23	Kinh tế lượng ứng dụng	Phạm Trí Giao	Lao Động XH	2006
24	Luật kinh tế	Lê Văn Hưng	ĐHQG HCM	2007
25	Tài chính quốc tế	Nguyễn Minh Kiều	Thống kê	2008
26	Thị trường chứng khoán	Đào Lê Minh	CT quốc gia	2002
27	Quản trị tài chính	Nguyễn Văn Thuận	Thống Kê	2008
28	Nghiệp vụ ngân hàng	Nguyễn Minh Kiều	Thống kê	2006
29	Thanh toán quốc tế	Trần Thị Xuân Hương	Lao Động Xã hội	2008
30	Phân tích hoạt động tài chính	Woelfel, Charles J.	Khoa học và KT	1991

31	Phân tích và đầu tư CK	Lê Thị Mai Linh	CT quốc gia	2003
32	Lập Mô hình tài chính	Trần Ngọc Thơ	Thống kê	2007
33	Excel trong tài chính và đầu tư	Trần Thế Sao	Lưu hành nội bộ	2008
34	Kế toán tài chính	ĐH kinh tế HCM	Thống Kê	2006
35	Thiết lập và TD dự án đầu tư	Phước Minh Hiệp	Thống kê	2007
36	Thuế	Phan Hiền Minh	Thống Kê	2008
37	Kiểm toán	Đại Học Kinh tế TP.HCM	Lao Động	2007
38	Tiếng Anh nâng cao	Khoa Ngoại ngữ, ĐHMở	Lưu hành nội bộ	2008
39	Kế toán ngân hàng	Trương Thị Hồng	Tài Chính	2008
40	Thẩm định tín dụng	Nguyễn Minh Kiều	Tài Chính	2008
41	Marketing ngân hàng	Nguyễn Văn Sáu	Lưu hành nội bộ	2008
42	Ngân hàng trung ương	Nguyễn Thị Mùi	Tài Chính	2007
43	Kinh doanh ngoại hối	Nguyễn Văn Tiến	Thống kê	2008
44	Tài chính cá nhân	Bùi Minh Phương	Lưu hành nội bộ	2009
45	Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Văn Tiến	Thống kê	2005
46	Bảo hiểm	Trương Mộc Lâm	Tài Chính	2005
47	Quản trị NH thương mại	Nguyễn Thị Mùi	Tài chính	2006
48	Quản trị rủi ro và bảo hiểm	Nguyễn Quang Thu	Thống kê	2008
49	QT tài chính NH thương mại	Nguyễn Văn Thuận	Lưu hành nội bộ	2009
50	Lý thuyết đầu tư	Nguyễn Văn Thuận	Thống kê	2006
51	Quản lý danh mục đầu tư	ĐH kinh tế HCM	Lưu hành nội bộ	2009
52	Thị trường TC phái sinh	ĐH kinh tế HCM	Lưu hành nội bộ	2009
53	Phân tích hoạt động KD	ĐH kinh tế HCM	Thống Kê	2006

## 12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình ngành Tài chính – Ngân hàng được xây dựng theo kiểu đơn ngành. và được thiết kế theo hướng tổng quát của ngành Tài chính- Ngân hàng.
- Căn cứ kế hoạch giảng dạy trong Chương trình đào tạo và hướng dẫn đăng ký môn học trước mỗi học kỳ.
- Môn học được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

- Điều kiện được nhận khóa luận tốt nghiệp :
  - Tích lũy đủ số đơn vị học trình quy định của chương trình
  - Điểm trung bình tích lũy : Từ 7,0 trở lên
  - Điểm chuyên đề tốt nghiệp : Từ 8 trở lên và phải được sự đồng ý của GVHD

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**P. HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**TS. Lê Thị Thanh Thu**

**TS. Nguyễn Văn Thuận**